

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 29

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Thái (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Bà Phạm Thị Minh Yến  
Ông Phạm Bá Chính  
Bà Trịnh Thanh Nhân  
Ông Trần Trung Hiếu

Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 30/11/2023)  
Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 30/11/2023)  
Thành viên  
Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phạm Bá Chính  
Mạc Thị Nhung

Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 30/11/2023)  
Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 30/11/2023)

#### **Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Minh Yến  
Ông Phạm Bá Chính

Chủ tịch hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 30/11/2023)  
Chủ tịch hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 30/11/2023)

Ông Phạm Bá Chính đã ủy quyền cho Bà Mạc Thị Nhung ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy ủy quyền số 01/2024-TTC/UQ ngày 02 tháng 01 năm 2024.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được ghi chép và lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Mạc Thị Nhung**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2024

**Số: 15/BCKT-UHYHP**

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Thái**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Thái (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Hồng Hiền**

**Giám đốc Chi nhánh**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 1117-2023-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
UHY - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

*Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2024*

**Nguyễn Đức Quỳnh**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm  
toán số: 1016-2023-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023


Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>49.373.094.886</b>	<b>62.514.006.193</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>307.444.877</b>	<b>3.217.323.401</b>
1. Tiền	111		307.444.877	3.217.323.401
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>20.017.269.177</b>	<b>26.078.491.584</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	19.761.185.618	27.345.492.500
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.169.997	3.816.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.542.330.478	16.600.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(1.287.416.916)	(1.287.416.916)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>27.023.611.239</b>	<b>30.219.437.589</b>
1. Hàng tồn kho	141		27.023.611.239	30.219.437.589
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.024.769.593</b>	<b>2.998.753.619</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	35.693.988	44.701.775
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		571.751.678	1.340.785.134
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	1.417.323.927	1.613.266.710
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>20.490.543.763</b>	<b>6.428.353.550</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>9</b>	<b>15.300.000.000</b>	-
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		15.300.000.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.854.429.885</b>	<b>5.887.708.473</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	3.854.429.885	4.612.198.313
- Nguyên giá	222		27.970.188.389	29.093.413.730
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.115.758.504)	(24.481.215.417)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	-	1.275.510.160
- Nguyên giá	228		677.697.312	3.177.697.312
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(677.697.312)	(1.902.187.152)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.336.113.878</b>	<b>540.645.077</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	1.336.113.878	540.645.077
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>69.863.638.649</b>	<b>68.942.359.743</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>28.310.227.897</b>	<b>27.719.320.943</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>28.310.227.897</b>	<b>27.719.320.943</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		7.440.383.566	4.217.458.529
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		77.392.179	102.842.181
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	13.909.645	-
4. Phải trả người lao động	314		246.372.000	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		68.395.900	31.818.181
6. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		114.470.706	126.672.819
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	20.300.000.000	22.665.697.670
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		49.303.901	574.831.563
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>41.553.410.752</b>	<b>41.223.038.800</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>41.553.410.752</b>	<b>41.223.038.800</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		52.000.000.000	52.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		52.000.000.000	52.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(2.696.860.498)	(2.696.860.498)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		5.200.000.000	5.200.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	415		(2.817.747)	(2.817.747)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.301.511.824	1.301.511.824
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(14.248.422.827)	(14.578.794.779)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm	421		(14.578.794.779)	17.722.239.094
- LNST chưa phân phối năm nay	421		330.371.952	(32.301.033.873)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>69.863.638.649</b>	<b>68.942.359.743</b>

  
Nguyễn Thị Hải Yến  
Người lập biểu  
Ngày 30 tháng 03 năm 2024

  
Nguyễn Thị Hải Yến  
Kế toán trưởng



Mac Thị Nhung  
Tổng Giám đốc



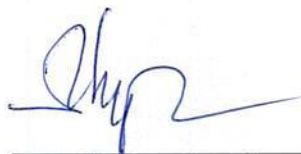
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		103.196.794.073	226.338.407.520
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18	103.196.794.073	226.338.407.520
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	97.568.573.143	219.836.703.432
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.628.220.930	6.501.704.088
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	353.249.856	5.686.802.766
7. Chi phí tài chính	22	21	1.652.407.680	36.923.104.160
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.652.339.317	6.381.120.586
8. Chi phí bán hàng	25	22	2.434.714.500	3.858.323.987
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	3.398.495.126	4.290.793.356
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.504.146.520)	(32.883.714.649)
11. Thu nhập khác	31		1.842.848.488	605.270.388
12. Chi phí khác	32		8.330.016	22.589.612
13. Lợi nhuận khác	40	23	1.834.518.472	582.680.776
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		330.371.952	(32.301.033.873)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		330.371.952	(32.301.033.873)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	64	(6.212)



Nguyễn Thị Hải Yến  
Người lập biểu  
Ngày 30 tháng 03 năm 2024



Nguyễn Thị Hải Yến  
Kế toán trưởng





Mạc Thị Nhung  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		121.008.112.645	206.862.937.336
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(81.488.191.371)	(71.589.734.680)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.771.882.243)	(3.906.996.230)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1.616.419.187)	(3.485.689.132)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(347.412.924)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		754.272.255	315.372.526
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(831.348.562)	(409.120.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>35.054.543.537</b>	<b>127.439.356.896</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(21.589.329)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	6.677.740.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(15.300.000.000)	(19.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	37.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.275.609	696.765.501
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(15.298.724.391)</b>	<b>25.352.917.081</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		6.100.000.000	587.861.074.079
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(28.765.697.670)	(737.936.069.525)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(22.665.697.670)</b>	<b>(150.074.995.446)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b> <b>(50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(2.909.878.524)</b>	<b>2.717.278.531</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>3.217.323.401</b>	<b>499.835.059</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	209.811
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b> <b>(70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>307.444.877</b>	<b>3.217.323.401</b>

  
Nguyễn Thị Hải Yến  
Người lập biểu  
Ngày 30 tháng 03 năm 2024

  
Nguyễn Thị Hải Yến  
Kế toán trưởng

  
M. S. D. N. : 0200412881  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN  
THÀNH THÁI  
HẢI PHÒNG  
  
Mạc Thị Nhung  
Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thành Thái là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0200412681 đăng ký lần đầu ngày 02/01/2001 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần thứ 16 ngày 16/12/2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là KKC.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 là: 52.000.000.000 đồng.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 18 người (tại 31/12/2022: 21 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Tái chế phế liệu; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; cho thuê xe có động cơ; Hoạt động của các cơ sở thể thao; Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao; Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con; Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ; Bán mô tô, xe máy; Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy; Đại lý, môi giới, đấu giá bán hàng; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Vận tải và đại lý vận tải hàng hóa thủy bộ; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động; Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Đại lý tua du lịch; dịch vụ đặt chỗ; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Hoạt động vui chơi, giải trí

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh sắt thép các loại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi (Tiếp theo)**

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)**

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	05 – 15
Thiết bị quản lý	03 – 10
Phương tiện vận tải	06 – 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao****Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất thuê trả tiền một lần cho toàn bộ thời gian thuê tại An Hồng, An Dương, Hải Phòng.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí trả trước khác thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

*Tiền thuê đất:* Chi phí để có Quyền sử dụng 4.933,4 m<sup>2</sup> đất thuê có thời hạn theo hình thức trả tiền hàng năm tại An Hồng, An Dương, Hải Phòng.

*Các khoản chi phí trả trước khác:* bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Vốn chủ sở hữu**

*Vốn góp của chủ sở hữu:* Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

*Thặng dư vốn cổ phần:* Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

*Vốn khác của chủ sở hữu:* Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

*Cổ phiếu quỹ:* Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế (tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh năm 2023 được trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	90.362.408	2.160.767.768
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	217.082.469	1.056.555.633
<b>Cộng</b>	<b>307.444.877</b>	<b>3.217.323.401</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B 09 -DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>19.761.185.618</b>	<b>27.345.492.500</b>
Công ty Cổ phần Thành Đức Holding	9.694.820.473	21.548.762.802
Công ty TNHH Sản xuất và TM Thép Bắc Việt	191.051.141	3.516.080.675
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&D Group	8.502.314.088	652.731.962
Doanh nghiệp tư nhân Phương Lưu	789.002.100	789.002.100
Đối tượng khác	583.997.816	838.914.961
<b>Cộng</b>	<b>19.761.185.618</b>	<b>27.345.492.500</b>

*Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**(Chi tiết xem tại thuyết minh 27)***6. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Trích lập dự phòng VND	Giá gốc VND	Trích lập dự phòng VND
DN tư nhân Phương Lưu	789.002.100	(789.002.100)	789.002.100	(789.002.100)
Cty cơ khí XDCT giao thông 121	110.876.177	(110.876.177)	110.876.177	(110.876.177)
Cty CP thép Châu Phong	146.318.825	(146.318.825)	146.318.825	(146.318.825)
Khác	241.219.814	(241.219.814)	241.219.814	(241.219.814)
<b>Cộng</b>	<b>1.287.416.916</b>	<b>(1.287.416.916)</b>	<b>1.287.416.916</b>	<b>(1.287.416.916)</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hóa	27.023.611.239	-	30.219.437.589	-
<b>Cộng</b>	<b>27.023.611.239</b>	<b>-</b>	<b>30.219.437.589</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B 09 -DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Ngắn hạn</i>	<b>35.693.988</b>	<b>44.701.775</b>
Các khoản khác	35.693.988	44.701.775
<i>Dài hạn</i>	<b>1.336.113.878</b>	<b>540.645.077</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	183.052.698	540.645.077
Chi phí để có quyền thuê đất (*)	1.153.061.180	-
<b>Cộng</b>	<b>1.371.807.866</b>	<b>585.346.852</b>

(\*) Chi phí để có Quyền sử dụng 4.933,4 m<sup>2</sup> đất thuê có thời hạn theo hình thức trả tiền hàng năm tại An Hồng, An Dương, Hải Phòng.

**9. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi được VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi được VND
<i>Dài hạn</i>	<b>15.300.000.000</b>	<b>15.300.000.000</b>	-	-
Công ty Cổ phần Thành Đức Holding	15.300.000.000	15.300.000.000	-	-

Phản ánh khoản Công ty cho Công ty Cổ phần Thành Đức Holding vay theo hợp đồng số 0109.2023/HĐVT/TT-TĐ ngày 1 tháng 9 năm 2023, thời hạn cho vay từ Tháng 9/2023 đến 31/12/2024, lãi suất cho vay bằng với lãi suất cho vay của ngân hàng HD Bank tại thời điểm chuyển tiền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**10. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

**NGUYỄN GIÁ**

Tại ngày đầu năm

Phá dỡ

Tại ngày cuối năm

**HAO MÓN LŨY KẾ**

Tại ngày đầu năm

Khấu hao trong năm

Phá dỡ

Tại ngày cuối năm

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày đầu năm

Tại ngày cuối năm

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
	17.177.008.440	4.636.602.637	7.042.894.665	33.445.455	203.462.533	29.093.413.730
	(1.123.225.341)	-	-	-	-	(1.123.225.341)
	<b>16.053.783.099</b>	<b>4.636.602.637</b>	<b>7.042.894.665</b>	<b>33.445.455</b>	<b>203.462.533</b>	<b>27.970.188.389</b>
	12.930.793.327	4.476.587.539	6.941.603.031	33.445.455	98.786.065	24.481.215.417
	621.524.052	53.338.368	55.250.004	-	27.656.004	757.768.428
	(1.123.225.341)	-	-	-	-	(1.123.225.341)
	<b>12.429.092.038</b>	<b>4.529.925.907</b>	<b>6.996.853.035</b>	<b>33.445.455</b>	<b>126.442.069</b>	<b>24.115.758.504</b>
	4.246.215.113	160.015.098	101.291.634	-	104.676.468	4.612.198.313
	<b>3.624.691.061</b>	<b>106.676.730</b>	<b>46.041.630</b>	<b>-</b>	<b>77.020.464</b>	<b>3.854.429.885</b>

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 với giá trị 22.331.706.888 đồng (ngày 01/01/2023: 17.648.852.304 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 3.854.508.718 VND (ngày 01 tháng 01 năm 2023: 3.854.508.718 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B 09 -DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Quyền sử dụng đất</u> <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày đầu năm	3.177.697.312
Giảm trong năm	(2.500.000.000)
Tại ngày cuối năm	<u>677.697.312</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày đầu năm	1.902.187.152
Khấu hao trong năm	61.224.492
Giảm trong năm	(1.285.714.332)
Tại ngày cuối năm	<u>677.697.312</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu năm	<u>1.275.510.160</u>
Tại ngày cuối năm	<u>-</u>

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<u>7.440.383.566</u>	<u>7.440.383.566</u>	<u>4.217.458.529</u>	<u>4.217.458.529</u>
Công ty CP thép Miền Bắc	-	-	2.779.467.152	2.779.467.152
Công ty CP SX TM DV Thiết bị công nghiệp Phương Nam	6.804.024.488	6.804.024.488	-	-
Công ty TNHH TM ĐT Thanh Hà	-	-	506.845.984	506.845.984
Công ty Cổ Phần Sông Hồng	430.562.000	430.562.000	430.562.000	430.562.000
Các đối tượng khác	205.797.078	205.797.078	500.583.393	500.583.393
<b>Cộng</b>	<u>7.440.383.566</u>	<u>7.440.383.566</u>	<u>4.217.458.529</u>	<u>4.217.458.529</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm VND	Số phải nộp/thu trong năm VND	Số đã thực nộp/ thu trong năm VND	Số cuối năm VND
<b><i>Phải thu</i></b>				
Thuế TNCN	20.247.983	-	20.247.983	-
Thuế nhà đất	1.593.018.727	-	175.694.800	1.417.323.927
<b>Cộng</b>	<b>1.613.266.710</b>	<b>-</b>	<b>195.942.783</b>	<b>1.417.323.927</b>
<b><i>Phải nộp</i></b>				
Thuế TNCN	-	34.157.628	20.247.983	13.909.645
Thuế nhà đất	-	197.742.800	197.742.800	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>235.900.428</b>	<b>221.990.783</b>	<b>13.909.645</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
		22.665.697.670				26.400.000.000
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP phát triển TP. HCM (1)	-	-	20.300.000.000	-	20.300.000.000	20.300.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hải Phòng (2)	22.665.697.670	22.665.697.670	-	22.665.697.670	-	-
Vay cá nhân (3)	-	-	6.100.000.000	6.100.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>22.665.697.670</b>	<b>22.665.697.670</b>	<b>26.400.000.000</b>	<b>28.765.697.670</b>	<b>20.300.000.000</b>	<b>20.300.000.000</b>

(1) Vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 16916/23MB/HĐTD ngày 18/09/2023 với tổng hạn mức là 25 tỷ đồng trong vòng 12 tháng, thời hạn trả nợ theo kế ước nhận nợ cụ thể, mục đích vay dùng bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sắt thép; Số tiền vay, lãi suất, kỳ hạn theo từng kế ước nhận nợ cụ thể; Khoản vay được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần tập đoàn T&D Group và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại xã An Hồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

(2) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 19513.22.251.2371377.TD ngày 24/05/2022, tổng hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, với mục đích vay dùng bổ sung vốn lưu động để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh lĩnh vực thương mại ngành thép. Lãi suất cho vay trong hạn của Khoản nợ là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ hoặc lãi suất thả nổi được quy định tại giấy nhận nợ. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay trên.

(3) Phản ánh khoản vay cá nhân theo hợp đồng vay số 01.2023/HĐV/TT-TQT ngày 01/03/2023 với thời hạn vay 06 tháng, khoản vay không có tài sản đảm bảo, lãi suất 0%/năm tính từ ngày nhận tiền vay, khoản vay được chi tiết theo Giấy biên nhận vay tiền từng lần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Biến động vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số đầu năm trước	52.000.000.000	5.200.000.000	-	(7.774.838.245)	1.301.511.824	22.797.399.094	73.524.072.673
Lợi nhuận trong năm (Giảm) cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	(32.301.033.873)	(32.301.033.873)
Số đầu năm nay	52.000.000.000	5.200.000.000	(2.696.860.498)	7.772.020.498	-	(5.075.160.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	330.371.952	330.371.952
Số cuối năm nay	52.000.000.000	5.200.000.000	(2.696.860.498)	(2.817.747)	1.301.511.824	(14.248.422.827)	41.553.410.752

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2023, đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án hủy bỏ việc thực hiện phát hành 10.399.632 cổ phiếu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01.9/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/9/2021, số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/12/2021 và số 01/2022-NQ/ĐHĐCĐ ngày 29/4/2022.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)***Vốn điều lệ*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hiện hành, vốn điều lệ của công ty là 52.000.000.000 đồng.

Danh sách cổ đông lớn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty CP Tập đoàn T&D Group	44.553.690.000	85,68	44.553.690.000	85,68
Cổ đông khác	7.446.310.000	14,32	7.446.310.000	14,32
<b>Cộng</b>	<b>52.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>52.000.000.000</b>	<b>100</b>

*Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	52.000.000.000	52.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	52.000.000.000	52.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	5.075.160.000

*Cổ phiếu*

	Số cuối năm (Cổ phiếu)	Số đầu năm (Cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.200.000	5.200.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông	5.200.000	5.200.000
Số lượng cổ phiếu quỹ	184	184
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.199.816	5.199.816
- Cổ phiếu phổ thông	5.199.816	5.199.816
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**16. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ (USD)	599,66	599,66

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**17. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Báo cáo bộ phận chính yếu:**

Theo lĩnh vực kinh doanh, trong đó doanh thu bán hàng hóa là doanh thu liên quan đến hàng thương mại các mặt hàng sắt, thép là hoạt động chính; hoạt động cho thuê kho bãi là hoạt động thứ yếu.

*Năm nay:*

Chỉ tiêu	Doanh thu VND	Giá vốn VND	Lãi gộp VND
Kinh doanh thương mại	99.781.851.394	97.568.573.143	2.213.278.251
Hoạt động khác	3.414.942.679	-	3.414.942.679
<b>Cộng</b>	<b>103.196.794.073</b>	<b>97.568.573.143</b>	<b>5.628.220.930</b>

*Năm trước*

Chỉ tiêu	Doanh thu VND	Giá vốn VND	Lãi gộp VND
Kinh doanh thương mại sắt, thép	223.970.375.288	219.836.703.432	4.133.671.856
Hoạt động khác	2.368.032.232	-	2.368.032.232
<b>Cộng</b>	<b>226.338.407.520</b>	<b>219.836.703.432</b>	<b>6.501.704.088</b>

Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý do Công ty hoạt động chính tại địa bàn Hải Phòng.

**18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ trong năm</i>	<b>103.196.794.073</b>	<b>226.338.407.520</b>
Doanh thu thương mại	99.781.851.394	213.580.698.504
Doanh thu hoạt động khác	-	10.389.676.784
Doanh thu hoạt động cho thuê bãi	3.414.942.679	2.368.032.232
<i>Các khoản giảm trừ</i>	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>103.196.794.073</b>	<b>226.338.407.520</b>
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i>		
<i>(Chi tiết xem tại thuyết minh 28)</i>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***19. GIÁ VỐN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa, dịch vụ	97.568.573.143	217.183.975.157
Giá vốn dịch vụ khác	-	2.652.728.275
<b>Cộng</b>	<b>97.568.573.143</b>	<b>219.836.703.432</b>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	353.249.856	678.279.902
Lãi từ bán chứng khoán	-	2.290.507.224
Cổ tức	-	2.611.300.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	106.715.640
<b>Cộng</b>	<b>353.249.856</b>	<b>5.686.802.766</b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	1.652.339.317	6.381.120.586
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán	-	31.976.173.171
Lỗ chênh lệch tỷ giá	68.363	56.449.253
Hoàn nhập/ Dự phòng giảm giá chứng khoán	-	(1.490.638.850)
<b>Cộng</b>	<b>1.652.407.680</b>	<b>36.923.104.160</b>

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</i>	<b>2.434.714.500</b>	<b>3.858.323.987</b>
Chi phí nhân viên	1.315.003.595	1.474.082.970
Chi phí khấu hao TSCĐ	326.661.600	776.078.677
Chi phí dịch vụ mua ngoài	779.094.305	1.489.516.746
Các khoản chi phí QLDN khác	13.955.000	118.645.594
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i>	<b>3.398.495.126</b>	<b>4.290.793.356</b>
Chi phí nhân viên	1.951.283.063	1.992.405.539
Chi phí khấu hao TSCĐ	431.106.828	431.106.828
Thuế, phí và lệ phí	214.108.800	289.407.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	762.312.207	1.559.102.959
Chi phí khác	39.684.228	18.771.030

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***23. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Thu nhập khác</i>	<b>1.842.848.488</b>	<b>605.270.388</b>
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	679.672.255	605.094.323
Lãi trả chậm	1.162.856.231	-
Các khoản khác	320.002	176.065
<i>Chi phí khác</i>	<b>8.330.016</b>	<b>22.589.612</b>
Các khoản chi phí khác	8.330.016	22.589.612
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>1.834.518.472</b>	<b>582.680.776</b>

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</i>		
Lợi nhuận trước thuế	<b>330.371.952</b>	<b>(32.301.033.873)</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>(330.371.952)</b>	<b>3.792.410.198</b>
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.141.606.066	6.403.710.198
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	<i>8.330.016</i>	<i>22.589.612</i>
<i>Chi phí lãi vay chưa được tính năm nay</i>	<i>1.133.276.050</i>	<i>6.381.120.586</i>
Trừ: Chuyển lỗ	(1.471.978.018)	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(2.611.300.000)
<i>Cổ tức</i>	<i>-</i>	<i>(2.611.300.000)</i>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>-</b>	<b>(28.508.623.675)</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Công ty có các khoản lỗ tính thuế phát sinh từ năm 2022 được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 05 năm liên tục kể từ năm tiếp theo sau năm phát sinh lỗ.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trong tương lai vì khả năng Công ty có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá hiện tại là không chắc chắn.

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế</b>	<b>330.371.952</b>	<b>(32.301.033.873)</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	330.371.952	(32.301.033.873)
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm	5.199.816	5.199.816
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>64</b>	<b>(6.212)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	431.423.189
Chi phí nhân công	3.266.286.658	3.466.488.509
Chi phí khấu hao tài sản cố định	757.768.428	1.254.533.575
Thuế, phí, lệ phí	214.108.800	289.407.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.541.406.512	4.961.251.284
Chi phí khác	53.639.228	351.393.991
<b>Cộng</b>	<b>5.833.209.626</b>	<b>10.754.497.548</b>

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN***Bên liên quan***Bên liên quan****Bản chất bên liên quan**

Công ty Cổ phần tập đoàn T&D	Cùng thành viên Ban lãnh đạo, Công ty
Công ty Cổ phần Thành Đức Holding	Cùng thành viên Ban lãnh đạo
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Gia Minh	Cùng thành viên Ban lãnh đạo
Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, người thân của các thành viên Ban lãnh đạo	Ban lãnh đạo

*Giao dịch với các bên liên quan:*

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Công ty Cổ phần Thành Đức Holding</b>		
Phải thu tiền bán hàng (bao gồm VAT)	11.212.264.320	11.815.304.252
Thu tiền bán hàng	23.066.206.649	11.815.304.252
Mua hàng hóa (Bao gồm VAT)		21.397.344.150
Thanh toán tiền hàng		21.397.344.150
Cho vay ngắn hạn	15.300.000.000	-
Lãi tiền vay	351.974.247	-
<b>Công ty Cổ phần tập đoàn T&amp;D</b>		
Phải thu tiền bán hàng (bao gồm VAT)	27.467.760.200	86.699.098.352
Thu tiền bán hàng	19.618.178.074	36.019.711.610
<b>Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Gia Minh</b>		
Phải thu tiền bán hàng (bao gồm VAT)	350.116.945	245.495.544
Thu tiền bán hàng	595.612.489	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)*

	Năm nay <b>Cổ phiếu</b>	Năm trước <b>Cổ phiếu</b>
<i>Nhận cổ tức bằng cổ phiếu quỹ</i>		
Công ty cổ phần tập đoàn T&D	-	434.967

*Số dư với các bên liên quan:*

	Số cuối năm <b>VND</b>	Số đầu năm <b>VND</b>
<i>Công ty CP Thành Đức Holding</i>		
Phải thu thương mại	9.694.820.473	21.548.762.802
Phải thu tiền cho vay	15.300.000.000	-
Lãi vay phải thu	351.974.247	-
<i>Công ty cổ phần tập đoàn T&amp;D</i>		
Phải thu thương mại	8.502.314.088	652.731.962
Nhận tiền ứng trước	-	-
<i>Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Gia Minh</i>		
Phải thu thương mại	-	245.495.544

*Các khoản lương, thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc*

	Năm nay <b>VND</b>	Năm trước <b>VND</b>
Bà Phạm Thị Minh Yên- Chủ tịch (1)	376.297.000	389.302.000
Bà Trịnh Thanh Nhân - Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Trần Trung Hiếu - Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Đức Dũng - Tổng Giám đốc	-	216.400.000
Ông Phạm Bá Chính- Chủ tịch/Tổng Giám đốc (1)	230.050.000	-
Bà Mạc Thị Nhung - Kế toán trưởng (1)	396.096.384	342.429.258
Bà Vũ Thị Hồng Liên - Trưởng Ban KS	240.993.037	207.787.837
Bà Nguyễn Thị Hải Yên- Kế toán trưởng (2)	289.593.983	-

(1) Bổ nhiệm và miễn nhiệm trong năm 2023

(2) Bổ nhiệm trong năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**

Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

**MẪU SỐ B 09-DN**

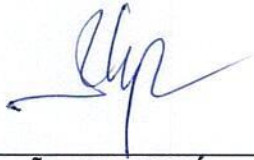
Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

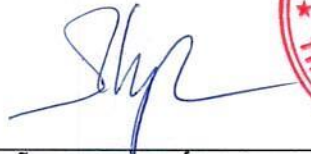
*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.



Nguyễn Thị Hải Yên  
Người lập biểu  
Ngày 30 tháng 03 năm 2024



Nguyễn Thị Hải Yên  
Kê toán trưởng



Mạc Thị Nhung  
Tổng Giám đốc